

Số: /BC-UBND

Tuần Giáo, ngày tháng 3 năm 2022

## **BÁO CÁO**

### **Tình hình triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ giáo dục vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2010-2021**

*Thực hiện Công văn số 490/SGDDĐT-KHTC ngày 10/3/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên về việc phối hợp báo cáo tình hình thực hiện chính sách cho học sinh dân tộc thiểu số giai đoạn 2010-2021;*

UBND huyện Tuần Giáo báo cáo với các nội dung cụ thể sau:

#### **A. KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

##### **1. Tình hình giáo dục vùng DTTS và miền núi của địa phương giai đoạn 2010-2021**

Tuần Giáo là huyện miền núi, có tổng diện tích tự nhiên 113.776,82 ha Phía Bắc giáp huyện Tủa Chùa; Phía Nam và Tây giáp huyện Mường Ảng; Phía Đông giáp tỉnh Sơn La. Trung tâm huyện lỵ huyện Tuần Giáo ở phía Nam của tỉnh Điện Biên, cách thành phố Điện Biên Phủ (trung tâm tỉnh lỵ Điện Biên) 76km. Dân số toàn huyện tính đến tháng 12/2021 có trên 91.000 người, với 14 dân tộc sinh sống, dân tộc thiểu số chiếm trên 92%, trong đó: Dân tộc Thái 59,03%, dân tộc Mông 25,79%, dân tộc Kinh 8,56%, dân tộc Khơ Mú 2,82%, dân tộc Kháng 3,49%, còn lại là các dân tộc khác. Toàn huyện có 18 xã và 01 thị trấn với 177 khối, bản, trong đó: 18 xã vùng III, 01 thị trấn vùng I. Tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo toàn huyện chiếm 57,63% (trong đó tỷ lệ hộ nghèo chiếm 49,72%).

Trong giai đoạn 2010-2021, được sự quan tâm đầu tư của Nhà nước, sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Điện Biên, sự phối hợp của Sở Giáo dục và Đào tạo và sự tham mưu tích cực, hiệu quả của các phòng, ban chuyên môn (đặc biệt là Phòng Giáo dục và Đào tạo), UBND các xã, thị trấn công tác giáo dục và đào tạo vùng dân tộc thiểu số và miền núi của huyện đã không ngừng chuyển biến, phát triển.

- Quy mô trường, lớp: Năm 2021, toàn huyện có 66 cơ sở giáo dục từ mầm non đến phổ thông và 01 Trung tâm GDNN-GDTX huyện<sup>1</sup>, trong đó có 01 trường PTDTNT huyện và 09 trường PTDTBT<sup>2</sup>; đến tháng 12/2021 toàn huyện có 53 trường đạt chuẩn quốc gia<sup>3</sup>. So với năm 2010, tổng số trường phổ thông giảm 01 trường<sup>4</sup>, số trung tâm giảm 01 trung tâm (do sáp nhập trung tâm GDNN

<sup>1</sup> Trong đó: Giáo dục mầm non: 24 trường, Giáo dục phổ thông: 42 trường (Tiểu học: 21 trường, THCS: 17 trường, THPT: 04 trường)

<sup>2</sup> Cấp tiểu học: 03 trường, cấp THCS: 06 trường, trong đó có 02 trường PTDTBT TH&THCS).

<sup>3</sup> Cấp mầm non: 19 trường, cấp tiểu học: 19 trường, cấp THCS: 13 trường, cấp THPT: 02 trường.

<sup>4</sup> Cấp mầm non: Tăng 01 trường, cấp tiểu học: Giảm 04 trường, cấp THCS: Tăng 01 trường, cấp THPT: Tăng 01 trường.

và Trung tâm GDTX tháng 7/2018), số trường mầm non và phổ thông đạt chuẩn quốc gia tăng 41 trường<sup>5</sup>.

- Tình hình học sinh DTTS: Năm 2021, toàn huyện có 27.763 trẻ mầm non, học sinh<sup>6</sup>, trong đó số trẻ mầm non, học sinh là người DTTS là 24.793 học sinh, chiếm tỉ lệ 89,30%<sup>7</sup>; so với năm 2010, số học sinh toàn huyện tăng 6.677 học sinh, trong đó số học sinh là người DTTS tăng 5.242 học sinh.

## **2. Đánh giá thực trạng học sinh DTTS theo học tại các cấp và học nghề tại các xã I, II, III giai đoạn 2010-2021**

Học sinh DTTS theo học tại các cấp và học nghề tại các xã I, II, III giai đoạn 2010-2021 cơ bản đảm bảo các chỉ tiêu giáo dục và đào tạo được UBND tỉnh giao hàng năm, chất lượng giáo dục từng bước được nâng lên, nhận thức của đa số nhân dân trên địa bàn huyện về công tác giáo dục có nhiều chuyển biến tích cực.

Tỉ lệ huy động, chất lượng giáo dục đối với học sinh DTTS của các cơ sở giáo dục từ mầm non đến phổ thông cơ bản đảm bảo ổn định và được nâng lên. Năm 2021 (năm học 2020-2021). Cụ thể:

- Giáo dục mầm non:

+ Tỉ lệ huy động: 51,5% trẻ em DTTS trong độ tuổi nhà trẻ, 99,9% trẻ em DTTS trong độ tuổi mẫu giáo được chăm sóc, giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non;

+ Chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ: Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân: 6,07%; Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi: 7,46%.

- Giáo dục tiểu học:

+ Tỉ lệ huy động: 99,8% học sinh DTTS trong độ tuổi 6-10 tuổi được học tại các trường tiểu học, TH&THCS;

+ Chất lượng giáo dục: Tỉ lệ học sinh DTTS chuyển lớp đạt 99,9%; tỉ lệ học sinh DTTS hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%.

- Giáo dục THCS:

+ Tỉ lệ huy động: 97,4% học sinh DTTS trong độ tuổi 11-14 tuổi được học trong các trường THCS, TH&THCS;

+ Chất lượng giáo dục: Tỉ lệ học sinh DTTS chuyển lớp đạt 99,8%, tỉ lệ học sinh DTTS tốt nghiệp THCS đạt 99,87%.

- Giáo dục THPT:

+ Tỉ lệ huy động: Tỉ lệ học sinh DTTS trong độ tuổi từ 15 - 18 tiếp tục học chương trình THPT hoặc tương đương đạt 63,8%, trong đó tỉ lệ học sinh DTTS 15 tuổi vào học lớp 10 đạt 61,6%;

<sup>5</sup> Cấp mầm non: Tăng 15 trường, cấp tiểu học: Tăng 12 trường, cấp THCS: Tăng 12 trường, cấp THPT: Tăng 02 trường.

<sup>6</sup> Cấp mầm non: 8.066 trẻ, cấp tiểu học: 10.409 học sinh, cấp THCS: 6.958 học sinh, cấp THPT: 2.330 học sinh

<sup>7</sup> Cấp mầm non: 7.495 trẻ, cấp tiểu học: 9.610 học sinh, cấp THCS: 6.521 học sinh, cấp THPT: 1.617 học sinh.

+ Chất lượng giáo dục: Tỷ lệ học sinh DTTS chuyên lớp đạt 95,8%, tỷ lệ học sinh DTTS tốt nghiệp THPT và bổ túc THPT đạt 98,9%.

- Giáo dục nghề nghiệp: Từ năm 2010 đến năm 2021 có 1.778 học sinh DTTS tham gia các chương trình đào tạo nghề (từ sơ cấp trở lên).

**3. Số học sinh người DTTS tham gia học tập từ tiểu học lên đến đại học và học nghề tại các xã vùng I, II, III. Số học sinh DTTS bỏ học từ tiểu học lên đến đại học tại các xã I, II, III theo từng năm học.**

**3.1. Số học sinh người DTTS tham gia học tập từ tiểu học lên đến đại học và học nghề tại các xã vùng I, II, III.**

- Số học sinh người DTTS tham gia học tập bậc Tiểu học giai đoạn 2010-2020: 96.637 học sinh<sup>8</sup>;

- Số học sinh người DTTS tham gia học tập bậc THCS giai đoạn 2010-2020: 67.120 học sinh<sup>9</sup>;

- Số học sinh người DTTS tham gia học tập bậc THPT giai đoạn 2010-2020: 19.793 học sinh<sup>10</sup>;

- Số học sinh người DTTS tham gia học tập chương trình sơ cấp giai đoạn 2010-2020: 724 học sinh<sup>11</sup>;

- Số học sinh người DTTS tham gia học chương trình Trung cấp giai đoạn 2010-2020: 1.054 học sinh<sup>12</sup>;

- Số học sinh người DTTS tham gia học chương trình Cao đẳng giai đoạn 2010-2020: 1.104 học sinh<sup>13</sup>;

- Số học sinh người DTTS tham gia học chương trình Đại học giai đoạn 2010-2020: 838 học sinh<sup>14</sup>;

**3.2. Số học sinh DTTS bỏ học từ tiểu học lên đến đại học tại các xã I, II, III**

Trong giai đoạn 2010-2020 toàn huyện có: 5.406 học sinh DTTS bỏ học ở các cấp học từ tiểu học lên đến Đại học, cụ thể: Khu vực I: 05 học sinh bỏ học<sup>15</sup>; khu vực II: 1.248 học sinh<sup>16</sup>; khu vực III: 4.153 học sinh<sup>17</sup>;

**4. Số học sinh từ tiểu học lên đến đại học không được hỗ trợ học tập**

<sup>8</sup> Khu vực I: 3.826 học sinh, khu vực II: 13.486 học sinh, khu vực III: 79.325 học sinh.

<sup>9</sup> Khu vực I: 3.418 học sinh, khu vực II: 9.813 học sinh, khu vực III: 53.889 học sinh.

<sup>10</sup> Khu vực I: 1.587 học sinh, khu vực II: 3.998 học sinh, khu vực III: 14.208 học sinh.

<sup>11</sup> Khu vực I: 36 học sinh, khu vực II: 127 học sinh, khu vực III: 561 học sinh.

<sup>12</sup> Khu vực I: 120 học sinh, khu vực II: 159 học sinh, khu vực III: 775 học sinh.

<sup>13</sup> Khu vực I: 199 học sinh, khu vực II: 202 học sinh, khu vực III: 703 học sinh.

<sup>14</sup> Khu vực I: 267 học sinh, khu vực II: 57 học sinh, khu vực III: 514 học sinh

<sup>15</sup> Cấp THCS: 03 học sinh; THPT: 02 học sinh.

<sup>16</sup> Cấp THCS: 315 học sinh; THPT: 884 học sinh; chuyên nghiệp, dạy nghề: 49 học sinh.

<sup>17</sup> Cấp Tiểu học: 15 học sinh; THCS: 387 học sinh; THPT: 3.646 học sinh; chuyên nghiệp, dạy nghề: 105 học sinh.

**khi ra khỏi danh sách hộ nghèo và các xã đặc biệt khó khăn năm học 2010-2021. Số học sinh DTTS bỏ học sau khi ra khỏi danh sách hộ nghèo và các xã đặc biệt khó khăn: Không có.**

**5. Đánh giá thuận lợi, khó khăn, nguyên nhân tồn tại trong việc triển khai các chính sách giáo dục tại địa phương và nguyên nhân bỏ học của học sinh DTTS giai đoạn 2010 -2021**

### **5.1. Thuận lợi**

Công tác giáo dục và đào tạo trên địa bàn huyện được quan tâm chú trọng, các chính sách đầu tư cho giáo dục được triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả, đặc biệt là đầu tư cơ sở vật chất, trường, lớp học ngày càng khang trang, thiết bị, đồ dùng dạy học được đầu tư, mua sắm bổ sung hàng năm góp phần nâng cao chất lượng dạy học.

Các chính sách đối với học sinh DTTS được Đảng, Nhà nước quan tâm, nhiều chính sách mới được ban hành đảm bảo quyền lợi, hỗ trợ tích cực, tạo điều kiện cho học sinh DTTS yên tâm học tập.

Tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện có nhiều chuyển biến tích cực, đời sống của Nhân dân các dân tộc ngày càng được nâng cao. Cơ hội tìm việc làm và có thu nhập ổn định đối với học sinh DTTS sau khi học xong các chương trình đào tạo nghề ngày một tăng lên.

### **5.2. Khó khăn**

Tuần Giáo là một huyện nghèo với địa hình chia cắt mạnh, giao thông đi lại khó khăn, đặc biệt là vào mùa mưa, lũ; một số xã mới được đầu tư đường bê tông đến trung tâm xã (Mường Khong, Pú Xi).

Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tuy đã được đầu tư nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu sắp xếp, bố trí lại mạng lưới trường lớp và thực hiện đổi mới giáo dục và đào tạo. Giáo dục nghề nghiệp chưa được quan tâm đúng mức; cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, chương trình đào tạo chưa đáp ứng được với nhu cầu của người học; các nghề đào tạo chưa đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động.

Nhận thức của một bộ phận nhân dân vùng cao, vùng sâu còn hạn chế, chưa thực sự quan tâm đến việc học tập, còn ỉ lại vào các chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với học sinh; còn hiện tượng phó mặc cho các thầy cô giáo khi học sinh ở nội trú tại trường. Một số phụ huynh học sinh không có sự phối hợp với nhà trường trong việc thực hiện các chế độ chính sách cho học sinh như hoàn thiện hồ sơ, thủ tục xét duyệt các chế độ chính sách dẫn đến quá trình xét duyệt gặp nhiều khó khăn (có phụ huynh còn giao phó cho giáo viên chủ nhiệm).

### **5.3. Nguyên nhân học sinh bỏ học**

Điều kiện kinh tế của đa số Nhân dân các dân tộc trên địa bàn huyện còn gặp nhiều khó khăn, tỉ lệ hộ nghèo, cận nghèo cao, nhiều học sinh phải bỏ học giữa chừng để tham gia lao động phụ giúp gia đình.

Một số học sinh có học lực yếu, kém dẫn đến tự ti, không có ý chí vươn

lên trong học tập, sự quan tâm của gia đình đối với việc học của con em còn hạn chế. Tác động tiêu cực của các yếu tố xã hội, tình trạng một số học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp các trường chuyên nghiệp, học xong các chương trình đào tạo nghề không tìm được việc làm ảnh hưởng đến tâm lý của học sinh.

Công tác tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương, phối hợp với các tổ chức đoàn thể trong việc huy động và duy trì sĩ số học sinh của một số cơ sở giáo dục chưa quyết liệt, hiệu quả.

## **A. TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

### **I. Tình hình và kết quả triển khai các chính sách hỗ trợ giáo dục của Trung ương**

#### **1. Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ**

UBND huyện đã chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo triển khai thực hiện mục tiêu phát triển giáo dục đào tạo hằng năm, trong đó có công tác PCGD, XMC được quan tâm, chú trọng. Tập trung các nguồn lực xây dựng cơ sở vật chất trường, lớp theo hướng chuẩn hóa. Tổ chức triển khai nhiều giải pháp nhằm giảm học sinh lưu ban, bỏ học, đi học không chuyên cần, nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.

Cân đối các nguồn vốn từ ngân sách, các CTMTQG rà soát bổ sung quy hoạch xây dựng cơ sở vật chất trường học; thực hiện đầy đủ các chính sách hỗ trợ đối với trẻ em mầm non, học sinh thuộc đối tượng chính sách; chỉ đạo tổ chức các hoạt động thông tin tuyên truyền, giáo dục về vai trò, vị trí của PCGD, XMC trong việc đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao trình độ dân trí, phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Cấp ủy Đảng, chính quyền các xã, thị trấn đã chỉ đạo các cơ sở giáo dục thực hiện tốt công tác huy động học sinh ra lớp; chỉ đạo, triển khai, thực hiện công tác PCGD, XMC theo hệ thống, đảm bảo tính thống nhất từ huyện đến xã.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể huyện đã chỉ đạo các cơ quan theo phân cấp quản lý tích cực tuyên truyền vận động đoàn viên, hội viên, tập hợp lực lượng phát động phong trào toàn dân thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục, vận động học sinh trong độ tuổi đến lớp.

Tính đến 31/12/2021 toàn huyện vẫn duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, xóa mù chữ mức độ 2, phổ cập giáo dục THCS mức độ 2 (trong đó có 17/19 xã, thị trấn đạt và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3).

**2. Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021 và Nghị định số 145/2018/NĐ-CP ngày 16/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP; Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc**

## **dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo**

Chính sách theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định khung học phí phù hợp với điều kiện kinh tế của đa số nhân dân các dân tộc trên địa bàn; tạo điều kiện cho nhiều học sinh được tiếp tục đến trường, học hết cấp học phổ thông.

UBND huyện đã chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục thực hiện nghiêm túc việc rà soát, chuẩn bị hồ sơ đề nghị thực hiện các chính sách đối với học sinh theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP. Phê duyệt và chỉ đạo thực hiện kịp thời các chính sách đối với học sinh, không gây bức xúc trong dư luận.

Kết quả thực hiện giai đoạn 2010-2021

+ Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập, miễn giảm học phí: 166.607 lượt học sinh với kinh phí 78.675 triệu đồng.

+ Đối với các trường THPT trên địa bàn huyện thực hiện nghiêm túc các chính sách, chế độ học sinh đảm bảo theo quy định.

### **3. Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 về quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn**

UBND huyện đã chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện tốt công tác xét duyệt, tiếp nhận và chi trả chính sách hỗ trợ đối với học sinh theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ đảm bảo đúng, đủ và kịp thời các chế độ theo quy định.

\* Kết quả thực hiện giai đoạn 2011-2021:

+ Hỗ trợ cho học sinh bán trú: Tổng số 23.878 lượt học sinh với kinh phí 112.566,53 triệu đồng.

+ Hỗ trợ gạo học sinh bán trú: Tổng số 23.878 lượt học sinh với 32.235,3 triệu đồng (đơn giá 10.000đ/kg).

\* Thực hiện chính sách với trường phổ thông dân tộc bán trú và trường phổ thông có học sinh bán trú:

Việc mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng cho học sinh bán trú hằng năm được thực hiện đảm bảo đúng định mức; các chính sách đặc thù đối với các trường PTDTNT, PTDT BT được thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

### **4. Nghị định 57/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017 về quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên DTTS rất ít người**

Tổng số học sinh được hỗ trợ và tổng kinh phí đã hỗ trợ trong giai đoạn 2010- 2021: 10 lượt học sinh với kinh phí 32,493 triệu đồng.

**5. Nghị định 141/2020/NĐ-CP ngày 8/12/2020 về quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên DTTS:** Không thực hiện

**6. Quyết định 82/2006/QĐ-TTg ngày 14/4/2006 về việc điều chỉnh**

**mức học bổng chính sách đối với học sinh, sinh viên là người DTTS học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú và trường dự bị đại học quy định tại Quyết định số 184/2001/QĐ-TTg ngày 21/12 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ**

UBND huyện đã chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, UBND các xã, thị trấn, trường PTDTNT THPT huyện thực hiện tuyên truyền, phổ biến, quán triệt tới toàn thể viên chức, người lao động, học sinh và cha mẹ học sinh cũng như Nhân dân các dân tộc trên địa bàn về Nghị định số 82/2006/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ; Thông báo công khai tới toàn thể học sinh, sinh viên, cha mẹ học sinh về chính sách học bổng đối với học sinh học tại trường DTNT để hoàn thiện hồ sơ, thủ tục đúng thời gian quy định, thực hiện chi trả đảm bảo theo quy định.

### **7. Quyết định 157/2007/QĐ-TTG ngày 27/9/2007 về tín dụng đối với học sinh, sinh viên**

UBND huyện đã chỉ đạo UBND các xã, thị trấn thực hiện tốt công tác tuyên truyền về Nghị định 157/2007/QĐ-TTG đến Nhân dân các dân tộc trên địa bàn; tạo điều kiện thuận lợi để người dân tiếp cận các nguồn vốn tín dụng đối với học sinh, sinh viên theo tinh thần của Nghị định.

Chỉ đạo NHCSXH huyện tiếp nhận, thẩm định kịp thời các hồ sơ đề nghị vay vốn theo Nghị định 157/2007/QĐ-TTG của các hộ dân để giải ngân kịp thời, đúng đối tượng.

### **8. Quyết định 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 về quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người DTTS học tại các cơ sở giáo dục đại học**

Chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo, UBND các xã, thị trấn tăng cường công tác tuyên truyền Quyết định 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 về quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người DTTS học tại các cơ sở giáo dục đại học đến viên chức, người lao động và học sinh trong các cơ sở giáo dục và Nhân dân trên địa bàn.

### **9. Luật số 74/2014/QH13 ngày 27/11/2014 về giáo dục nghề nghiệp**

UBND huyện đã giao và chỉ đạo phòng LĐTB&XH, phòng Nông nghiệp và PTNT căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm theo dõi đôn đốc, hướng dẫn kiểm tra giám sát tình hình, kết quả triển khai nhiệm vụ công tác giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn; trên cơ sở nguồn kinh phí được giao hằng năm phân bổ nguồn kinh phí để thực hiện công tác đào tạo nghề cho LĐNT đảm bảo đúng quy định.

Chỉ đạo giao Trung tâm GDNN-GDTX huyện hằng năm xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên đảm bảo đúng theo quy định.

### **10. Các chính sách hỗ trợ giáo dục và học nghề khác**

UBND huyện đã chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn, UBND các xã, thị

trần kịp thời tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn thực hiện đối với các chính sách hỗ trợ giáo dục và học nghề đối với Nhân dân các dân tộc trên địa bàn.

## **II. Các chính sách hỗ trợ giáo dục do địa phương ban hành**

### **1. Nghị quyết số 20/2016/NQ-HĐND ngày 04/8/2016 của HĐND tỉnh Điện Biên về việc quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021 trên địa bàn tỉnh Điện Biên.**

UBND huyện đã chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo, UBND các xã, thị trấn triển khai hướng dẫn tới các cơ sở giáo dục trên địa bàn về thực hiện quy trình xét duyệt đối tượng học sinh được hưởng chính sách theo quy định.

Thực hiện đảm bảo đúng, đủ, kịp thời các chính sách miễn giảm học phí, cấp bù, hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh thuộc diện, hàng năm phân bổ kịp thời kinh phí để các đơn vị thực hiện.

### **2. Nghị quyết số 55/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh Điện Biên quy định về khoảng cách và địa bàn xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về trong ngày; mức khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn tập trung cho học sinh trên địa bàn tỉnh Điện Biên.**

UBND huyện đã chỉ đạo phòng Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục, UBND các xã nghiêm túc triển khai thực hiện theo đúng hướng dẫn tại các văn bản của UBND tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo.

### **3. Quyết định số 24/2016/QĐ-UBND ngày 11/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên Quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo, hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình và học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh Điện Biên.**

UBND huyện đã chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Bảo hiểm xã hội huyện, UBND các xã, thị trấn thực hiện tốt công tác tuyên truyền về các đối tượng được thụ hưởng theo chính sách được quy định tại Quyết định 24/2016/QĐ-UBND.

Chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục tổ chức rà soát, tổng hợp các đối tượng học sinh thuộc diện chính sách theo quy định để phối hợp với UBND các xã, thị trấn, Bảo hiểm xã hội huyện thực hiện các chính sách theo quy định đối với học sinh. Tính đến tháng 12/2021 có 100% học sinh tại các cơ sở giáo dục tham gia bảo hiểm Y tế theo quy định.

## **B. ĐÁNH GIÁ CHUNG VIỆC TRIỂN KHAI CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ GIÁO DỤC TRÊN ĐỊA BÀN**

### **1. Thực trạng triển khai các chính sách hỗ trợ giáo dục**

Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND tỉnh, Sở GD&ĐT, UBND huyện đã chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo, các phòng, ban chuyên môn, đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội, UBND các xã, thị trấn để phối hợp thực hiện chính sách hỗ trợ giáo dục đặc biệt là chính



sách miễn học phí, hỗ trợ chi phí học tập, học sinh bán trú ... trên địa bàn huyện; chỉ đạo phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tham mưu cho UBND huyện hằng năm đảm bảo nguồn kinh phí chi đúng định mức của các Nghị định, Thông tư cho học sinh thuộc diện được hưởng chính sách.

Chỉ đạo phòng Giáo dục và Đào tạo, UBND các xã, thị trấn tăng cường công tác tuyên truyền tới viên chức, người lao động và học sinh trong đơn vị, Nhân dân trên địa bàn để nâng cao nhận thức, trách nhiệm của nhân dân đối với các chính sách của Đảng và Nhà nước đối với học sinh DTTS.

Phòng Giáo dục và Đào tạo đã thực hiện tốt vai trò tham mưu cho UBND huyện về công tác giáo dục và đào tạo; chỉ đạo các cơ sở giáo dục rà soát, tổng hợp chính xác các đối tượng học sinh được thụ hưởng các chính sách theo quy định hiện hành; tổng hợp và trình UBND huyện để ban hành các quyết định về việc thụ hưởng các chính sách đối với học sinh kịp thời, chính xác.

## **2. Thuận lợi, khó khăn trong việc triển khai các chính sách hỗ trợ giáo dục**

Việc triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ giáo dục trên địa bàn luôn được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp;

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương với các cơ sở giáo dục, các tổ chức đoàn thể tại các xã, thị trấn trong việc tuyên truyền về các chính sách hỗ trợ của Đảng, Nhà nước đối với học sinh DTTS được thực hiện thường xuyên, hiệu quả.

Các chính sách hỗ trợ đối giáo dục được triển khai, thực hiện kịp thời, đúng đối tượng trên địa bàn huyện và tại các cơ sở giáo dục đã góp phần giảm bớt khó khăn cho học sinh và gia đình.

Cơ sở vật chất phục vụ cho việc dạy và học cơ bản đáp ứng được nhu cầu của người học và yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo; chất lượng giáo dục có nhiều chuyển biến tích cực; tỉ lệ học sinh bỏ học, đi học không chuyên cần giảm mạnh.

## **3. Đánh giá những khó khăn khi các em không thuộc hộ nghèo và ra khỏi danh sách các xã đặc biệt khó khăn**

\* Một số khó khăn khi học sinh không thuộc diện hộ nghèo:

Học sinh không được miễn học phí, hỗ trợ chi phí học tập và phải đóng học phí theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ sẽ gây khó khăn cho đa số học sinh là người DTTS.

Đối với học sinh khuyết tật nếu không thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo sẽ không được hỗ trợ học bổng dành cho học sinh khuyết tật và tiền mua dụng cụ học tập được quy định tại Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC Quy định chính sách giáo dục với người khuyết tật nên việc huy động học sinh khuyết tật không thuộc diện hộ nghèo học hòa nhập tại các cơ sở giáo dục sẽ gặp nhiều khó khăn.

Học sinh không được hưởng các chính sách liên quan đến hỗ trợ đào tạo nghề, hỗ trợ lao động tìm việc làm theo Luật số 74/2014/QH13 ngày 27/11/2014 của Quốc hội.

Học sinh, gia đình học sinh không được hưởng các chính sách ưu đãi hỗ trợ vay vốn từ ngân hàng chính sách để phát triển kinh tế gia đình theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ.

\* Một số khó khăn khi học sinh ra khỏi danh sách các xã đặc biệt khó khăn:

Học sinh ra khỏi danh sách các xã đặc biệt khó khăn sẽ không được hưởng học bổng bán trú và hỗ trợ gạo được quy định tại Nghị định 116/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

Đóng mức học phí cao hơn theo quy định tại Nghị định 86/2015/NĐ-CP và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

Không được hưởng các chính sách ưu tiên về tuyển sinh giáo dục, hỗ trợ đào tạo việc làm, vay vốn khi ra khỏi danh sách các xã đặc biệt khó khăn.

#### **4. Nguyên nhân bỏ học của học sinh DTTS tại địa phương.**

Điều kiện kinh tế của đa số Nhân dân các dân tộc trên địa bàn huyện còn gặp nhiều khó khăn, tỉ lệ hộ nghèo, cận nghèo cao, nhiều học sinh phải bỏ học giữa chừng để tham gia lao động phụ giúp gia đình.

Một số học sinh có học lực yếu, kém dẫn đến tự ti, không có ý chí vươn lên trong học tập, sự quan tâm của gia đình đối với việc học của con em còn hạn chế. Tác động tiêu cực của các yếu tố xã hội, tình trạng một số học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp các trường chuyên nghiệp, học xong các chương trình đào tạo nghề không tìm được việc làm ảnh hưởng đến tâm lý của học sinh.

Công tác tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương, phối hợp với các tổ chức đoàn thể trong việc huy động và duy trì sĩ số học sinh của một số cơ sở giáo dục chưa quyết liệt, hiệu quả.

#### **5. Các giải pháp triển khai tại địa phương.**

Tăng cường công tác tuyên truyền về các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đặc biệt là các chính sách hỗ trợ giáo dục đối với học sinh DTTS đến viên chức, người lao động, học sinh và Nhân dân các dân tộc trên địa bàn huyện để nâng cao nhận thức, trách nhiệm của Nhân dân với các chính sách hỗ trợ đối với học sinh DTTS đang được triển khai thực hiện.

Tăng cường đầu tư xây dựng, tu sửa, nâng cấp cơ sở vật chất trường lớp học, ưu tiên cho các công trình phục vụ công tác bán trú của học sinh các trường PTDTNT, PTDTBT và trường phổ thông có học sinh bán trú. Tuyên truyền, vận động, tăng cường xã hội hóa giáo dục để từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho học sinh nội trú, bán trú.

Tăng cường kiểm tra, giám sát đối với các cơ sở giáo dục trong việc lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ đối với học sinh nhằm đảm bảo đúng đối tượng, mức hỗ trợ và thời gian hỗ trợ; kiểm tra việc chi trả cấp phát các chế độ cho học sinh theo các quy định hiện hành.

Chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo, UBND các xã, thị trấn phối hợp, tạo

điều kiện cho các cơ sở giáo dục giải quyết tháo gỡ khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện chế độ chính sách cho học sinh như: Hồ sơ, thủ tục để các em được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định. Kịp thời giải quyết những ý kiến, kiến nghị (nếu có) của cha mẹ học sinh liên quan đến chế độ chính sách.

Các trường PTDTNT, PTDTBT và trường phổ thông có học sinh bán trú tăng cường công tác đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; đảm bảo về số lượng và chất lượng dinh dưỡng các bữa ăn. Thực hiện khoán kinh phí thuê nhân viên phục vụ nấu ăn cho học sinh đúng theo quy định tại Nghị quyết số 55/2017/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.

### **C. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

1. Các chính sách hỗ trợ giáo dục cần thiết cho học sinh học từ tiểu học lên đến đại học:

Đề nghị xem xét bổ sung chính sách cho trẻ nhà trẻ (vì học sinh từ 0-36 tháng tuổi chưa có chính sách hỗ trợ) là học sinh dân tộc thiểu số để đảm bảo công tác huy động, chăm sóc nuôi dưỡng.

2. Định mức hỗ trợ cho học sinh các cấp: Nâng mức hỗ trợ cho học sinh bán trú đảm bảo bằng 80% học sinh nội trú (vì học sinh bán trú cũng học tập và sinh hoạt tại trường như học sinh nội trú).

3. Các hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ trực tiếp và giảm các quy định về hồ sơ chứng từ, tăng cường triển khai thực hiện hồ sơ điện tử.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện chính sách cho học sinh dân tộc thiểu số giai đoạn 2010-2021 của UBND huyện Tuần Giáo./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Giáo dục và Đào tạo (p/h);
- TT huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Phòng GD&ĐT huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Mùa Va Hồ**